

TAND HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 71/2020/HSST

Ngày: 05/11/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên Tòa: Ông Hoàng Văn Toan

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Ngọc Giới;
2. Ông Nguyễn Tiến Chinh;

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vi Thị Hương Giang- Thư ký TAND huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang .

- Đại diện VKSND huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai- Kiểm sát viên.

Ngày 05/11/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 67/2020/HSST ngày 16/10/2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm: 1986. Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

- Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn CT, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

- Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12.

- Bố đẻ: Nguyễn Văn M, sinh năm 1964.

- Mẹ đẻ: Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1966.

- Gia đình có 03 anh em ruột, bản thân là con 01 trong gia đình.

- Vợ: Nguyễn Thị Th, sinh năm 1985.

- Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2016.

- Nhân thân:

+ Bản án số 71/2013/HSST ngày 25/12/2013 Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt Tú 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong án phí tháng 02/2014.

+ Bản án số 51/2020/HSST ngày 27/8/2020 Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang đã xử phạt Tú 08 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/8/2020 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện L, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

2. Chị Đỗ Thị Th, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn Tr, xã T huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

3. Chị Trần Thị G, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

4. Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn Th, xã Th, huyện L, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Thị Ph sinh năm 1966;

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tranh tụng tại phiên tòa, nội dung vụ án đ- ọc tóm tắt nh- sau:

Khoảng 13 giờ ngày 31/7/2020, Nguyễn Văn T, sinh năm 1986 ở thôn C T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang đi xe đạp của bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1967 (là mẹ đẻ) đến khu vực Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (viết tắt TNHH MTV) Viện Kinh tế Kỹ thuật thuốc lá Chi nhánh Bắc Giang tại thôn Bảo Lộc 2, xã Bảo Sơn, huyện L, tỉnh Bắc Giang để xin cây đinh lạng về để trồng. Khi đến nơi, do trời mưa Tú đến dắt nhà để xe của công ty để trú mưa. Tú quan sát thấy nhà để xe của công nhân mở cửa, bên trong có một số xe máy không có người trông giữ nên Tú đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản trong cốp xe trên. T tiến lại gần chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH mode, màu xám, BKS 98M1-186.30 của chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984 trú tại thôn S, xã Tg, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Thấy chiếc xe chưa khóa cốp, Tú nhâng cốp lên thấy bên trong cốp xe có 01 chiếc ví màu xám chưa kéo khóa, T kiểm tra bên trong có 1.500.000 đồng (gồm các tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 200.000 đồng, 100.000 đồng) và một số giấy tờ khác. T lấy tiền bên trong ví sau đó đút tiền vào túi quần đùi bên phải đang mặc và để lại ví vào cốp xe, đóng cốp lại và tiếp tục đi sang chiếc xe thứ hai. Tú tiến lại gần chiếc xe nhãn hiệu Honda, loại SH mode, màu xanh-đen, BKS 98B2- 329.19 của chị Trần Thị G, sinh năm 1976 trú tại thôn B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tú kiểm tra thấy cốp xe chưa khóa, T nhâng cốp xe lên thì thấy bên trong có 01 chiếc ví màu xanh đã kéo khóa nên đã cầm ví đút vào túi quần sau, rồi đóng cốp xe lại. Tú tiến lại gần chiếc xe thứ ba là xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave alpha, màu xanh - đen, BKS: 98K5- 2006 của chị Đỗ Thị Th, sinh năm 1986 trú tại thôn Tr, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Thấy cốp xe có khóa, T dùng tay bẩy nhẹ cốp xe lên thì cốp xe bật ra, bên trong cốp xe có 01 ví da màu trắng sọc đen, T lấy chiếc ví rồi đút vào túi quần bên phải đang mặc. Sau khi lấy được 2 chiếc ví trên, Tú đi đến khu vực cầu thang dắt nhà chính của Công ty TNHH MTV Viện Kinh tế Kỹ thuật thuốc lá Chi nhánh Bắc Giang mở ví ra xem thì thấy trong chiếc ví màu trắng kẻ sọc đen có 2.600.000 đồng (gồm chủ yếu các tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng) và một số giấy tờ tùy thân. T lấy hết tiền

trong ví ra cất vào túi quần. Kiểm tra chiếc ví màu xanh bên trong không có tiền mà chỉ có giấy tờ cá nhân nên Tú để toàn bộ giấy tờ lại trong ví và vứt 2 chiếc ví ra khu vực phía sau nhà vệ sinh của công ty thuốc lá rồi đi về.

Trên đường về, đến khu vực trước cửa nhà Văn hóa thôn Th, xã Th, huyện L, Tú thấy chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1990, trú tại thôn Thượng Lâm, xã Th, huyện L đi xe mô tô loại ATTILA màu đỏ, BKS: 98B2-098.40 dừng xe ở trước cửa nhà văn hóa để họp. T thấy không có người nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T tiến đến chiếc xe, luồn tay dưới yên xe, thò tay vào bên trong cốp xe lấy 01 ví da màu nâu rồi rút chiếc ví vào túi quần đi về nhà. Đi được khoảng 400m, T đỗ xe lại mở chiếc ví ra xem thì phát hiện bên trong có 6.000.000 đồng (gồm các tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng và 200.000 đồng) và một số giấy tờ tùy thân của chị C. T lấy hết số tiền trên còn chiếc ví cùng giấy tờ T vứt tại khu vực bờ rào gần vườn vải giáp với cánh đồng thôn Th sau đó đi về nhà. Số tiền trộm cắp được T đã tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 01/8/2020, nhận thấy hành vi trộm cắp của mình là vi phạm pháp luật nên Tú đến Công an xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang đầu thú.

Đến khoảng 18 giờ 10 phút ngày 31/7/2020, chị H xuống mở cốp xe kiểm tra thì phát hiện cốp xe không đóng, ví tiền của chị vẫn còn trong cốp nhưng đã bị mở khóa, bên trong ví vẫn còn đầy đủ giấy tờ nhưng đã mất số tiền khoảng 1.500.000 đồng, gồm các tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 200.000 đồng và 100.000 đồng. Khi nghe thấy chị H nói bị mất trộm chị G kiểm tra cốp xe cũng phát hiện bị mất 01 ví màu xanh bên trong không có tiền chỉ có một số giấy tờ gồm 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe 98B2-329.19; 01 thẻ đoàn viên mang tên Trần Thị G, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe 98B2-329.19. Chị Th cũng kiểm tra cốp xe thì phát hiện cốp xe không đóng và mất 01 chiếc ví màu trắng kẻ sọc đen, bên trong có 2.600.000 đồng (gồm chủ yếu các tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng) và các giấy tờ tùy thân gồm chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe, đăng ký xe mô tô, giấy chứng nhận bảo hiểm xe BKS 98K5-2006; thẻ bảo hiểm y tế; 01 thẻ ATM đều mang tên Đỗ Thị Th.

Khoảng 16 giờ cùng ngày, chị Cúc ra lấy xe ở trước cửa nhà văn hóa thôn Th phát hiện mình bị mất trộm 01 chiếc ví da màu nâu, bên trong có 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 giấy đăng ký xe mô tô 98B2-098.40; 01 bảo hiểm xe mô tô BKS: 98B2-098.40, 01 thẻ ATM tất cả đều mang tên Nguyễn Thị C và số tiền 6.000.000 đồng (gồm các tờ mệnh giá 500.000 đồng và 200.000 đồng). Lần lượt các ngày 31/7/2020, ngày 02/8/2020 chị Th, chị C, chị H, chị G làm đơn trình báo đề nghị giải quyết.

Kết quả khám nghiệm hiện trường, xác định: Tại vị trí hồ ga có kích thước (1,6x1,6)m ở phía sau nhà vệ sinh, cách mép tường phía Tây nhà vệ sinh của Công ty TNHH MTV Viện kinh tế kỹ thuật thuốc lá chi nhánh Bắc Giang 2,3 m phát hiện 01 chiếc ví da màu xanh có kích thước (21x9,5)cm bên trong có một số giấy tờ gồm: Chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe, đăng ký xe mô tô BKS: 98B2-329.19, thẻ đoàn viên, giấy chứng nhận bảo hiểm xe đều mang tên chị Trần Thị Giang; 01 ví da màu trắng kẻ sọc đen có kích thước (21x9,5)cm bên trong có một số giấy tờ gồm: 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy đăng ký xe 98K5-2006, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ ATM, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe mô tô 98K5-2006 đều mang tên chị Đỗ Thị Th.

Tại bờ rào giáp ranh giữa vườn cây vải nhà ông Giáp Văn T, sinh năm 1970 với vườn cây táo nhà ông Quát Văn V, sinh năm 1976 cùng trú tại thôn Th, xã Th, huyện L, tỉnh Bắc Giang cách nhà văn hóa thôn Th, xã Th, huyện L, tỉnh Bắc Giang khoảng 400m phát hiện 01 chiếc ví da màu nâu kích thước (20x9) cm. Bên trong có một số giấy tờ tùy thân gồm: 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 giấy đăng ký xe, 01 thẻ ATM, 01 chứng nhận bảo hiểm đều mang tên chị Nguyễn Thị C. Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ 03 chiếc ví cùng các giấy tờ nêu trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lục Nam ngày 08/9/2020, kết luận: 01 ví da màu nâu trị giá 180.000 đồng; 01 ví da màu xanh trị giá 90.000 đồng; 01 ví da màu trắng kẻ sọc trắng, đen có giá 60.000 đồng. Tổng giá trị tài sản được định giá là 330.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã tiến hành cho T thực nghiệm lại hành vi trộm cắp, kết quả: Tú thực hiện được hành vi lấy tiền, ví da trong các xe BKS: 98M1- 186.30 của chị H, xe có BKS: 98B2- 329.19 của chị G, xe có BKS: 98K5- 2006 của chị Th, xe có BKS: 98B2-098.40 của chị Cúc. Kết quả thực nghiệm điều tra phù hợp với lời khai của bị cáo Tú, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Đối với chiếc xe đạp T sử dụng đi trộm cắp tài sản, quá trình điều tra xác định là tài sản của bà Nguyễn Thị Phấn, sinh năm 1967 trú tại thôn CT, xã T huyện L, tỉnh Bắc Giang (là mẹ T), bà Ph không biết nên Cơ quan điều tra không thu giữ và đề cập xử lý.

Đối với 03 chiếc ví da màu nâu, màu xanh và màu trắng kẻ sọc đen nêu trên khi thu giữ bên trong không có tiền chỉ còn lại giấy tờ cá nhân của các bị hại. Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại cho chị Th, chị G và chị C.

Về trách nhiệm dân sự: Chị H yêu cầu Tú bồi thường số tiền 1.500.000 đồng; chị Thúy yêu cầu Tú bồi thường số tiền 2.600.000 đồng; chị Cúc yêu cầu Tú bồi thường số tiền 6.000.000 đồng; chị Giang không có yêu cầu đề nghị gì.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 68/KSĐT ngày 15/10/2020 của VKSND huyện L đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Đại diện VKSND huyện L sau khi luận tội, phân tích các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và trách nhiệm dân sự đã giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

* Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; 56 BLHS 2015, xử phạt:

Nguyễn Văn T từ 15 đến 18 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 08 (tám) tháng

tù, về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số: 51/2020/HSST ngày 27/8/2020 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang. Buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là: 23 tháng tù 26 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 01/8/2020.

Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Tú.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi th- ờng cho chị H số tiền 1.500.000đ, chị Th 2.600.000đ, chị C 6.000.000đ,

Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo Nguyễn Văn T biết hành vi của bị cáo là phạm tội và xin HĐXX ở mức hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của KSV, của bị cáo và những ng- ời tham gia tố tụng khác.

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định trong BLTTHS.

[2] *Hành vi phạm tội:*

Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 31/7/2020, Nguyễn Văn T đi từ nhà đến Công ty TNHH MTV Viện Kinh tế Kỹ thuật thuốc lá Chi nhánh Bắc Giang tại thôn BL, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tại đây, Tú có hành vi trộm cắp số tiền 1.500.000 đồng ở trong cốp xe mô tô BKS 98M1- 186.30 của chị Nguyễn Thị H; trộm cắp 01 ví da màu xanh trị giá 90.000 đồng, bên trong có một số giấy tờ cá nhân để ở trong cốp xe mô tô BKS 98B2- 329.19 của chị Trần Thị G; trộm cắp 01 ví da màu trắng sọc đen trị giá 60.000 đồng, bên trong có số tiền 2.600.000 đồng và một số giấy tờ cá nhân của chị Đỗ Thị Th để ở trong cốp xe mô tô BKS 98K5- 2006. Trên đường về, đến trước cửa nhà Văn hóa thôn Th, xã Th, huyện L, tỉnh Bắc

Giang, Tú tiếp tục trộm cắp 01 ví da màu nâu trị giá 180.000 đồng cùng số tiền 6.000.000 đồng và giấy tờ cá nhân của chị Nguyễn Thị C để trong cốp xe BKS 98B2-098.40. Tổng giá trị tài sản T trộm cắp là 10.430.000 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ Luật hình sự.

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Tại bản cáo trạng số 68/KSĐT ngày 15/10/2020 của VKSND huyện L, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “ Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS là hoàn toàn có căn cứ đúng ng- ời, đúng tội, đúng pháp luật.

Ngoài những tình tiết định tội, định khung hình phạt, HĐXX xét thấy cần xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS đối với bị cáo, HĐXX thấy:

- Về tình tiết tăng nặng TNHS: Bị cáo phạm tội nhiều lần nên cần áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS đối với bị cáo.

- Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, bị hại chị Cúc đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, do vậy bị cáo T đ- ợc h- ớng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Trong quá trình thực hiện phạm tội thể hiện quyết tâm phạm tội của bị cáo, bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân đ- ợc pháp luật bảo vệ mà còn xâm phạm đến trật tự công cộng, trật tự pháp luật gây tâm lý hoang mang trong nhân dân. Do hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo trên cần nên một mức án t- ơng xứng để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Từ các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ TNHS và nhân thân của bị cáo HĐXX cân nhắc, xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi l- ợng hình. Bị cáo

Nguyễn Văn T có nhân thân xấu nh-ng bị cáo không chịu làm ăn l-ong thiện, không chấp hành nghiêm pháp luật nhà n-óc. Ngày 03/02/2020, bị cáo Nguyễn Văn T tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại xã Th, huyện L, tỉnh Bắc Giang tại bản án số: 51/2020/HSST ngày 27/8/2020 của Toà án nhân dân huyện L đã xử phạt bị cáo T 08 (tám) tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Điều đó thể hiện bị cáo lười lao động, coi thường pháp luật, nên cần bắt bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành ng-ời có ích cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo không có nghề nghiệp, vợ chồng bị cáo đã ly hôn, hiện bị cáo đang nuôi con nhỏ nên miễn hình phạt tiền bổ sung cho bị cáo.

Về mức án mà vị đại diện VKSND huyện L đề nghị áp dụng, tuyên phạt đối với bị cáo là phù hợp và t-ong xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Chị Hoa yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.500.000 đồng; chị Th yêu cầu bồi thường số tiền 2.600.000 đồng; chị C yêu cầu bồi thường số tiền 6.000.000 đồng. Xét thấy yêu cầu của các bị hại là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại số tiền trên.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với 03 chiếc ví da màu nâu, màu xanh và màu trắng kẻ sọc đen nêu trên khi thu giữ bên trong không có tiền chỉ còn lại giấy tờ cá nhân của các bị hại gồm: chứng minh thư nhân dân, giấy phép lái xe, giấy đăng ký xe, thẻ ATM, giấy chứng nhận bảo hiểm đều mang tên chị Nguyễn Thị C, chị Trần Thị G, Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại cho chị Th, chị G và chị C. Các bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với chiếc xe đạp Tú sử dụng đi trộm cắp tài sản, quá trình điều tra xác định là tài sản của bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1967 trú tại thôn CT, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (là mẹ T), bà Ph không biết nên Cơ quan điều tra không thu giữ và đề cập xử lý, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, bị hại, ng-ời có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đ-ợc quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; 56 BLHS 2015; Điều 584; 585; 586; 589; 357 và Điều 468 BLDS; khoản 2 Điều 136 BLTTDS; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2019 của UBTVQH 14 về xử lý lệ phí, án phí Tòa án, xử phạt:

Nguyễn Văn T 13 (mười ba) tháng tù, Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 01/8/2020. Tổng hợp với hình phạt 08 (tám) tháng tù, về tội : Trộm cắp tài sản, tại bản án số: 51/2020/HSST ngày 27/8/2020 của Toà án nhân dân huyện L. Buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là: 21 tháng tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 01/8/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi th-ờng cho chị Nguyễn Thị H 1.500.000 đồng; chị Đỗ Thị Th 2.600.000 đồng; chị Nguyễn Thị C 6.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, hai bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án có yêu cầu, nếu bên phải thi hành án chậm trả thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo Điều 357, khoản 2 Điều 468 BLDS.

4. Án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 521.500đ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, Điều 332 BLTTHS sơ thẩm
Bị cáo có mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *TAND Tỉnh ;*

TÒA

- *VKSND Tỉnh , Huyện;*

- *Chi cục T.H.A. dân sự huyện;*

- *Các đơng sự;*

- *Lưu hồ sơ . VP./.*

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN**

Hoàng Văn Toàn